

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Tân Yên, ngày tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng
Khu dân cư Việt Lập, (trước kia là khu đô thị Việt Lập), huyện Tân Yên,
tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/500**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Thông tư 01/2016/ TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ Xây dựng về các công trình hạ tầng kỹ thuật; Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành “QCVN01: 2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng”;

Căn cứ Quyết định 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/07/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/25.000); Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/5.000);

Căn cứ Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên về việc Phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035, tỷ lệ 1/5000;

Căn cứ Biên bản lấy ý kiến cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang ngày 8/9/2023;

Căn cứ Văn bản số 2379/SXD-QHKT ngày 22/9/2023 của Sở Xây dựng về việc tham gia ý kiến Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Báo cáo số 465/BCTĐ-KTHT ngày 26/9/2023 về việc thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang và ý kiến thành viên UBND huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/500, với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, ranh giới và quy mô nghiên cứu

a. Vị trí khu đất:

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính xã Việt Lập và xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

b. Ranh giới nghiên cứu:

- Phía Đông Bắc giáp: Đường quy hoạch;
- Phía Đông Nam giáp: Đường quy hoạch;
- Phía Tây Nam giáp: QL17;
- Phía Tây Bắc giáp: Khu dân cư hiện trạng thôn Lý.

c. Quy mô:

- Quy mô lập quy hoạch khoảng 9,8 ha;
- Quy mô dân số khoảng: 1.100 người. (Quy mô diện tích và dân số sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập đề án quy hoạch chi tiết 1/500).

2. Tính chất

Là khu dân cư mới với các chức năng chính: Đất ở thấp tầng, đất giáo dục, đất công cộng, đất thương mại, công viên cây xanh phục vụ cho nhu cầu ở của người dân trong khu vực được quy hoạch xây dựng đồng bộ hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật.

3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu

Trên cơ sở quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành của đô thị loại V và Quy hoạch chung đã được phê duyệt, xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu của đồ án quy hoạch như sau:

TT	Hạng mục	Chỉ tiêu 1/500	Đơn vị
I	Chỉ tiêu sử dụng đất		
1	Đất công cộng đơn vị ở		
	<i>Đất trường mầm non</i>	50	<i>chỗ /1000người</i>
	<i>Đất công cộng, dịch vụ</i>	≥ 2	<i>m²/người</i>
	<i>Đất thương mại</i>	≥ 1500	<i>m²</i>
2	Đất ở chia lô liền kề	90÷150	m ² /lô
3	Đất cây xanh vườn hoa	≥ 2	m ² /người
4	Mật độ đất đường giao thông	≥ 18	%
5	Đất bãi đỗ xe	$\geq 2,5$	m ² /người
II	Tầng cao		
1	Đất công trình công cộng đơn vị ở	1÷3	Tầng
2	Đất trường mầm non	1÷3	Tầng
3	Đất xây dựng nhà ở liền kề	3-5	Tầng
4	Đất cây xanh	1	Tầng
III	Mật độ xây dựng		
1	Đất công trình công cộng đơn vị ở	20÷40	%
2	Đất trường mầm non	20÷40	%
3	Đất xây dựng nhà ở liền kề	80÷100	%
4	Đất cây xanh	≤ 5	%
IV	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật		
1	Giao thông: mặt cắt ngang (không án dụng cho tuyến chính trục hiện trạng và đường có vỉa hè tiếp giáp khu công viên)	≥ 20	m
2	Hệ thống cấp nước		
	<i>Cấp nước sinh hoạt</i>	≥ 120	<i>L/ng,ngđ</i>
	<i>Nước cho công cộng và dịch vụ</i>	≥ 2	<i>L/m² sàn,ngđ</i>
	<i>Nước trường mẫu giáo, mầm non</i>	100	<i>L/cháu.ngđ</i>
	<i>Nước tưới cây xanh</i>	3	<i>L/m²,ngđ</i>

TT	Hạng mục	Chỉ tiêu 1/500	Đơn vị
	Nước rửa đường	0.5	L/m ² , ngày
	Nước chữa cháy	108	m ³ /đám cháy
	Nước thất thoát rò rỉ	≤15	%
3	Cấp điện		
	Nhà ở chia lô liền kề	≥ 5	Kw/hộ
	Công trình công cộng	30	W/m ² sàn
	Chiếu sáng giao thông	10-15	Kw/km
	Chiếu sáng công viên, vườn hóa, cây xanh	0.5	W/m ²
	Nhà trẻ, mẫu giáo	0.2	Kw/Cháu
4	Thoát nước thải		
	Thoát nước thải sinh hoạt	80% chỉ tiêu cấp nước	L/ng, ngày
5	Chất thải rắn		
	Chất thải rắn	1	Kg/ng, ngày
6	Thoát nước mưa	Tần suất P=5	
7	Thông tin liên lạc		
	Nhà ở thấp tầng	1	thuê bao/hộ
	Công trình công cộng, hỗn hợp	1	100m ² sàn/Line

Ghi chú:

Đất cây xanh công viên: Tuân thủ thiết kế Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị TCVN 9257: 2012.

+ Mật độ xây dựng: ≤ 5% (chỉ tiêu mặt nước khi quy đổi tuân thủ theo Tiêu chuẩn thiết kế quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị TCVN 9257-2012 không chiếm quá 50% so với tổng chỉ tiêu sử dụng đất cây xanh)

+ Tỷ lệ đất trồng cây xanh (trong đất cây xanh): ≥ 50%.

Các chỉ tiêu môi trường, tiếng ồn, khí thải, rác thải, nước thải, phòng chống cháy nổ, vệ sinh công nghiệp, khoảng cách ly, hành lang hạ tầng kỹ thuật...theo tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành hiện hành.

Các chỉ tiêu cụ thể về chức năng sử dụng đất, mật độ xây dựng, tầng cao sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch, phù hợp với Quy chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.

4. Các yêu cầu về nội dung nghiên cứu

a. Nguyên tắc

- Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/500 phải tuân thủ và phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035, tỷ lệ 1/5000 và quy hoạch chung xây dựng xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035, tỷ lệ 1/5000;

- Xem xét mối liên kết về không gian và chức năng sử dụng đất giữa khu vực lập quy hoạch với Quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035, quy hoạch chung xây dựng xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 và quy hoạch vùng huyện Tân Yên;

- Tổ chức hệ thống giao thông phải đảm bảo nguyên tắc an toàn và phục vụ tốt cho hoạt động phát triển kinh tế của địa phương và phù hợp với quy định hiện hành;

- Quy hoạch san nền: Tính toán khối lượng đào đắp hợp lý, tiết kiệm, tuy nhiên phải đảm bảo thoát nước tốt, không gây ảnh hưởng đến khu vực dân cư và các công trình hiện có;

- Quy hoạch hệ thống cấp, thoát nước phải đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định

b. Điều tra thu thập dữ liệu hiện trạng

* Điều kiện tự nhiên.

Phân tích đánh giá điều kiện tự nhiên về: Vị trí địa lý, địa hình, khí hậu, đặc điểm thủy văn, địa chất thủy văn, tài nguyên thiên nhiên...và ảnh hưởng của chúng tới phát triển khu dân cư mới trong tương lai.

* Hiện trạng kinh tế - xã hội.

Đánh giá vai trò, vị trí và mối quan hệ của khu vực nghiên cứu với khu vực giáp ranh.

Nghiên cứu đánh giá hiện trạng dân số, lao động, nghề nghiệp.

Đánh giá hiện trạng phát triển với các khu chức năng phụ cận có liên quan.

* Hiện trạng sử dụng đất.

Phân tích đánh giá hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp, khu dân cư chính, đất chuyên dùng, đất chưa sử dụng và các loại đất khác...Tổng hợp phân tích rõ đất định suất, đất công và các loại đất khác.

* Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

+ *Hiện trạng giao thông*: Phân tích đánh giá về hiện trạng mạng lưới giao thông đường bộ về cấp hạng đường, mật độ đường và mối quan hệ...;

+ *Hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật*: Phân tích đánh giá về hệ thống kênh mương thủy lợi, khả năng thoát nước, hướng thoát nước v.v. Cao trình xây dựng tại khu vực, các khu chức năng khác. Đánh giá sơ bộ quỹ đất xây dựng.

+ *Hiện trạng cấp nước*: Phân tích đánh giá về nguồn cung cấp nước; các công trình đầu mối thuộc hệ thống cấp nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt. Đánh giá

thực trạng cung cấp nước, tỷ lệ hộ dân dùng nước sạch...

+ *Hiện trạng cung cấp năng lượng*: Phân tích đánh giá nguồn cung cấp điện, hệ thống cấp điện; Hiện trạng nguồn và mạng lưới cấp điện;

+ *Hiện trạng thoát nước thải, xử lý CTR, nghĩa trang*: Phân tích đánh giá về hệ thống thoát nước thải và các công trình xử lý; tình trạng thoát nước thải khu vực dân cư Đánh giá hiện trạng các công trình đầu mối hạ tầng như: Bãi chôn lấp chất thải rắn, nghĩa trang.

+ *Đánh giá hiện trạng môi trường*: Phân tích đánh giá các nguồn và loại hình gây ô nhiễm; Phạm vi ảnh hưởng và mức độ gây ô nhiễm.

c. Yêu cầu nội dung quy hoạch

*. *Yêu cầu về tổ chức quy hoạch không gian, giải pháp kiến trúc.*

+ Yêu cầu tổ chức quy hoạch không gian.

- Xác định tính chất, mục tiêu, động lực phát triển của khu vực;

- Lựa chọn các chỉ tiêu đất đai, kinh tế - kỹ thuật (cấp nước, cấp điện, thoát nước...) phù hợp với tính chất khu vực và yêu cầu phát triển;

- Xác định quy mô các khu chức năng: Đất xây dựng công trình, công trình di tích, công trình dịch vụ thương mại; Vườn hoa công cộng, khuôn viên cây xanh và bãi đỗ xe....

- Xác định nguyên tắc, yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đối với từng khu chức năng, trục đường chính, không gian mở, điểm nhấn,...

+ Giải pháp kiến trúc.

- Tuân thủ theo quy hoạch chung, đảm bảo không gian, kiến trúc, cảnh quan theo quy định tại Nghị định số 38/2010/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với tính chất, chức năng của công trình và cảnh quan chung của khu vực.

*. *Yêu cầu quy hoạch sử dụng đất:*

- Bảng dự kiến cơ cấu quỹ đất xây dựng theo phương án chọn;

- Giải pháp phân bố quỹ đất theo chức năng và cơ cấu tổ chức không gian: các loại công trình công cộng, dịch vụ đô thị, cây xanh công viên,... ;

- Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật: Diện tích, quy mô công trình, quy định về hệ số sử dụng đất, tầng cao tối đa, tối thiểu, mật độ xây dựng;

- Đối với đất công viên, cây xanh: Quy định tỷ lệ tối đa, tối thiểu đối với các loại đất: Cây xanh, thảm cỏ, mặt nước; xây dựng công trình; sân lát, đường dạo...;

- Các yêu cầu về kiến trúc, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường, quản lý xây dựng đối với từng loại công trình kiến trúc;

*. *Yêu cầu về quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường.*

- *Chuẩn bị kỹ thuật*: Đánh giá về địa hình, địa chất, xác định khu vực cấm xây dựng, hạn chế xây dựng; xác định lưu vực và phân lưu vực tiêu thoát nước chính; hướng thoát nước, vị trí, quy mô các công trình tiêu thoát nước; xác định cốt xây dựng đối với từng lô đất.

- *Giao thông*: Thiết kế Quy hoạch mới mạng lưới và các công trình giao thông, tính toán các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của mạng lưới, các tuyến và các công trình giao thông; làm rõ quy mô chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ các tuyến đường, vị trí, quy mô và các yêu cầu kỹ thuật đối với các công trình giao thông: Bãi đỗ xe, nút giao nhau, chỗ quay đầu xe; đề xuất giải pháp kết cấu của các loại đường;

- *Cấp nước*: Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật chi tiết.

- *Cấp điện*: Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng; vị trí, quy mô các trạm điện phân phối; mạng lưới đường dây trung thế và hệ thống chiếu sáng đô thị; hệ thống thông tin liên lạc.

- *Thoát nước thải quản lý chất thải rắn và nghĩa trang*: Xác định tổng lượng nước thải và rác thải; mạng lưới thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý nước thải, chất thải.

- *Thiết kế khu chức năng*:

Nghiên cứu xác định các khu vực kiến trúc cảnh quan chính trong khu dân cư, đề xuất tổ chức không gian kiến trúc phù hợp với cảnh quan;

Xác định các công trình điểm nhấn trong khu vực quy hoạch theo hướng tầm nhìn cho toàn khu vực; xác định hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc; hệ thống cây xanh, mặt nước....

- *Đánh giá môi trường chiến lược*:

Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; điều kiện tự nhiên; chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn; các vấn đề xã hội, văn hoá, cảnh quan thiên nhiên;

Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch;

Đề ra các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với khu dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch khu dân cư;

Lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược và đề xuất giải pháp quản lý, giảm thiểu tác nhân gây ô nhiễm môi trường.

d. Yêu cầu khảo sát địa hình phục vụ quy hoạch tỷ lệ 1/500

*. *Nhiệm vụ khảo sát, đo đạc*:

Xây dựng nhiệm vụ khảo sát, phương án khảo sát kèm theo bản vẽ, số liệu tọa độ, độ cao hiện trạng, (cao độ tự nhiên). Địa hình, địa vật thực trạng để phục vụ công tác lập quy hoạch, dự án đầu tư cũng như thiết kế bản vẽ thi công cho dự án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035, quy hoạch chung xây dựng xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 đảm bảo chính xác, hiệu quả kinh tế và tuân thủ theo đúng quy định về xây dựng và quản lý dự án đầu tư.

Khảo sát bản đồ hiện trạng, thể hiện đầy đủ các yếu tố địa hình, địa vật như:

nhà cửa, cầu, cống, muông, rãnh, đường đi, tuyến điện lưới, thông tin, mộ,....vv.

5. Thành phần hồ sơ đồ án

Thực hiện đúng Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn

6. Tổ chức thực hiện, kế hoạch, kinh phí

a. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tân Yên
- Cơ quan thẩm định: Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tân Yên
- Cơ quan phê duyệt: UBND huyện Tân Yên
- Đơn vị thiết kế: Công ty CPTV PT Hạ tầng Việt Nam IDC

b. Kế hoạch thực hiện

Thời gian lập đồ án quy hoạch không quá 180 ngày kể từ ngày Nhiệm vụ quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt (không kể thời gian chờ thẩm định và phê duyệt đồ án Quy hoạch).

c. Kinh phí, nguồn vốn thực hiện

Kinh phí lập quy hoạch được thực hiện theo Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; Thông tư 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng.

- Quy mô khu vực lập quy hoạch chi tiết: 9,8 ha.

- Tổng kinh phí lập đồ án quy hoạch: **336.780.000đồng** (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng). Cụ thể:

TT	Khoản mục chi phí	KL (ha)	Giá trị trước thuế (vnd)	Giá trị sau thuế (vnd)	Ghi chú
1	Khảo sát phục vụ lập đồ án quy hoạch dự kiến (ha)	10,0	84.848.140	91.635.991	Gks
2	Lập nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 (ha)	10,0	20.980.000	22.658.000	Gnv
3	Lập Quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 (ha)	10,0	148.800.000	160.704.000	Gqh
4	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch			4.196.000	

TT	Khoản mục chi phí	KL (ha)	Giá trị trước thuế (vnd)	Giá trị sau thuế (vnd)	Ghi chú
5	Thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500			18.302.400	G1
6	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch			15.772.800	G2
7	Chi phí tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư			2.976.000	G3
8	Chi phí công bố đồ án quy hoạch			4.464.000	G4
9	Chi phí lập hồ sơ quản lý quy hoạch GIS		14.880.000	16.070.400	
Tổng chi phí bước lập Quy hoạch				336.779.591	
Làm tròn				336.780.000	

- Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách huyện

7. Các nội dung khác: Theo báo cáo thẩm định số 465/BC-KTHT ngày 26/9/2023 và hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch đã được thẩm định kèm theo.

Điều 2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng KT&HT, Phòng TC-KH, Phòng TN&MT, Phòng NN&PTNT, UBND xã Việt Lập và xã Cao Xá; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Viết Toàn